

Số: 772/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả xét nâng ngạch công chức hệ thống
Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp do có thành tích
trong hoạt động công vụ năm 2025 (đợt 1)**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; đã sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 11 năm 2014, ngày 12 tháng 6 năm 2018, ngày 13 tháng 11 năm 2020 và ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; đã sửa đổi bổ sung ngày 17 tháng 3 năm 2020 và ngày 15 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; đã sửa đổi, bổ sung ngày 15 tháng 9 năm 2009, ngày 07 tháng 3 năm 2012, ngày 19 tháng 02 năm 2013 và ngày 21 tháng 7 năm 2016; đã bãi bỏ một số điều ngày 15 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; đã sửa đổi, bổ sung ngày 17 tháng 9 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BTP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét nâng ngạch do có thành tích trong hoạt động công vụ đối với công chức trong hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp năm 2025 (có Danh sách kèm theo).

Công chức được phê duyệt xét nâng ngạch năm 2025 được bổ nhiệm vào ngạch mới kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 2. Giao Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thủ tục bổ nhiệm, xếp lương vào ngạch mới đối với các trường hợp được phê duyệt xét nâng ngạch tại Điều 1 Quyết định này theo quy định của pháp luật và phạm vi, thẩm quyền đã được phân cấp quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp, các công chức có tên tại Điều 1 và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCTHADS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC HỆ THỐNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐƯỢC XÉT NÂNG NGẠCH
KHI CÓ THÀNH TÍCH TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ NĂM 2025**
(Kèm theo Quyết định số 772/QĐ-BTP ngày 28 tháng 02 năm 2025)

Số TT	Địa phương	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan, đơn vị đang công tác	Ngạch công chức hiện tại		Ngạch công chức được nâng	
			Nam	Nữ		Ngạch	Mã ngạch	Ngạch	Mã ngạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Xét nâng ngạch từ ngạch nhân viên và tương đương lên ngạch cán sự và tương đương; từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương									
1	Bến Tre	Nguyễn Thị Ngọc Sương		1983	Chi cục THADS huyện Bình Đại	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
2	Bến Tre	Phạm Thị Trang Thảo		1979	Chi cục THADS huyện Ba Tri	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
3	Bình Dương	Nguyễn Thị Kim Loan		1981	Chi cục THADS thành phố Bến Cát	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
4	Bình Định	Đỗ Kiều Nga		1991	Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn	Thư ký trung cấp thi hành án	03.303	Thư ký thi hành án	03.302
5	Bình Phước	Phạm Thị Thanh Huyền		1977	Chi cục THADS thị xã Chơn Thành	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
6	Cần Thơ	Mai Tiên Phương	1983		Chi cục THADS quận Cái Răng	Thư ký trung cấp thi hành án	03.303	Thư ký thi hành án	03.302
7	Gia Lai	Nguyễn Thị Huyền Trang		1988	Chi cục THADS huyện Ia Grai	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn Thư viên	02.007
8	Gia Lai	Lê Thị Thoa		1979	Chi cục THADS huyện Krông Pa	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
9	Gia Lai	Trương Thị Kim Lộc		1987	Chi cục THADS huyện Chư Sê	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
10	Hà Giang	Đỗ Thị Thủy Nga		1981	Cục THADS tỉnh Hà Giang	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
11	Hà Giang	Nguyễn Văn Tuấn	1983		Chi cục THADS huyện Xín Mần	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031

12	Kiên Giang	Lê Thị Kim Oanh		1975	Chi cục THADS thành phố Hà Tiên	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
13	Kiên Giang	Nguyễn Minh Tân		1979	Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
14	Lai Châu	Đình Mạnh Cường		1980	Chi cục THADS huyện Phong Thổ	Thư ký trung cấp thi hành án	03.303	Thư ký thi hành án	03.302
15	Long An	Nguyễn Huỳnh Trang		1986	Cục THADS tỉnh Long An	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
16	Long An	Võ Thị The		1987	Chi cục THADS thành phố Tân An	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
17	Ninh Bình	Bùi Thị Thu Hòa		1987	Chi cục THADS huyện Yên Mô	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
18	Ninh Thuận	Lê Thị Lành		1981	Cục THADS tỉnh Ninh Thuận	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
19	Nghệ An	Đào Thị Yến		1984	Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu	Lưu trữ viên trung cấp	02.015	Lưu trữ viên	02.014
20	Quảng Nam	Lê Thị Như Quỳnh		1993	Chi cục THADS huyện Nam Trà My	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
21	Quảng Ngãi	Đình Minh Tiến		1984	Chi cục THADS huyện Ba Tơ	Thư ký trung cấp thi hành án	03.303	Thư ký thi hành án	03.302
22	Tây Ninh	Phan Hồng Thanh Trúc		1988	Cục THADS tỉnh Tây Ninh	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
23	Tây Ninh	Đỗ Kim Ngân		1988	Chi cục THADS thành phố Tây Ninh	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
24	Tiền Giang	Nguyễn Thị Thùy Linh		1979	Chi cục THADS huyện Châu Thành	Thư ký trung cấp thi hành án	03.303	Thư ký thi hành án	03.302
25	Tuyên Quang	Nguyễn Thanh Hải		1985	Chi cục THADS huyện Yên Sơn	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	06.031
26	Thái Bình	Trần Thanh Lịch		1978	Chi cục THADS thành phố Thái Bình	Thư ký trung cấp thi hành án	03.303	Thư ký thi hành án	03.302
27	Yên Bái	Mai Lâm Oanh		1978	Chi cục THADS huyện Mù Cang Chải	Văn thư viên trung cấp	02.008	Văn thư viên	02.007
28	Yên Bái	Phạm Xuân Ngọc Hoàng		1988	Chi cục THADS huyện Trấn Yên	Thư ký trung cấp thi hành án	03.303	Thư ký thi hành án	03.302

II. Xét nâng ngạch từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương

1	Bình Định	Phạm Thị Xanh		1975	Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn	Chấp hành viên sơ cấp	03.301	Chấp hành viên trung cấp	03.300
2	Cần Thơ	Võ Văn Trí	1979		Chi cục THADS quận Ninh Kiều	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên chính	01.002
3	Đồng Tháp	Lê Thị Trúc Quỳnh		1976	Cục THADS tỉnh Đồng Tháp	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên chính	06.030
4	Kon Tum	Nguyễn Thọ Thanh	1982		Chi cục THADS huyện Kon Rẫy	Chấp hành viên sơ cấp	03.301	Chấp hành viên trung cấp	03.300
5	Tuyên Quang	Trịnh Thị Nam		1976	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Thẩm tra viên	03.302	Thẩm tra viên chính	03.231
6	Thanh Hóa	Lê Thị Lâm		1973	Chi cục THADS huyện Thọ Xuân	Chấp hành viên sơ cấp	03.301	Chấp hành viên trung cấp	03.300

